

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2016/KDTM-ST

Ngày 19/10/2016

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Cao Thế và Bà Đinh Thị Luân.

* Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Thế Hồng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hương Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 19/10/2016 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 04/2016/TLST-DS ngày 25/4/2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2016/QĐXX-ST, ngày 21/9/2016, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng N Việt Nam ; Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Ngọc K**; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên A.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Anh T**; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh T; Có mặt.

(Theo Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án).

* Bị đơn: Bà **Trần Thị N** (Vợ), sinh năm 1974 và Ông **Nguyễn Thanh V** (Chồng), sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

NHẬN THẤY:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/01/2016, các biên bản ghi lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn, ông Nguyễn Anh T trình bày:*

Ngày 16/12/2013 Ngân hàng N Việt Nam - Chi Nhánh T (Ngân hàng N Chi nhánh T) và anh Nguyễn Thanh V, chị Trần Thị N có ký kết hợp đồng tín dụng và phụ lục kèm theo với nội dung:

- Ngân hàng N Chi Nhánh T cho anh Nguyễn Thanh V, chị Trần Thị N vay số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng).

- Mục đích vay: Kinh doanh nước tăng lực Redbull và bia Heniken.

- Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 16/12/2013 đến ngày 16/12/2014.

- Lãi suất cho vay: 11,496% /năm (0,958%/tháng) kể từ ngày vay (16/12/2013) và được điều chỉnh 3 tháng một lần hoặc được điều chỉnh ngay khi lãi suất cho vay trên thị trường biến động đột xuất phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng nông nghiệp Việt Nam.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay.

- Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc một lần (một kỳ); Trả lãi vay 3 tháng một lần (hàng quý) vào ngày 31 bắt đầu từ 31/3/2014.

Ngày 16/12/2014 giữa Ngân hàng N Chi nhánh T và anh Nguyễn Thanh V, chị Trần Thị N đã ký Phụ lục hợp đồng số 01 (mẫu số 06/PLHĐ/HMTD) với nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 3 của hợp đồng tín dụng ngày 16/12/2013: *Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ vay đến ngày 16/6/2015, các nội dung khác của hợp đồng không thay đổi.*

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Ngân hàng N Chi nhánh T và anh Nguyễn Thanh V, chị Trần Thị N đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 19/11/2013 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 10, diện tích 350m² (50m² đất ở, 300m² đất vườn) thuộc thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BB660486 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 24/5/2010 mang tên ông Nguyễn Thanh V, bà Trần Thị N và Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 16/12/2013 đối với nhà xây 2 tầng và công trình phụ gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 9 (hiện nay là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 56 Bản đồ địa chính) diện tích 732,6m² (400m² đất ở, 332,6m² đất vườn) tại thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh theo GCNQSDĐ số M388772 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 28/7/1999 và theo Quyết định số 3876/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 về việc cho phép ông Nguyễn Thanh V chuyển mục đích 200m² đất vườn sang làm đất ở, Quyết định số 3877/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 về việc cho phép ông Nguyễn Thanh V đăng ký 108m² đất vườn sang 532,6m² đất vườn. Các tài sản trên được đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 22/11/2013 và ngày 16/12/2013 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường) huyện H.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp, Ngân hàng N Chi nhánh T đã giải ngân cho anh Nguyễn Thanh V, chị Trần Thị N vay số tiền 2.500.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Nguyễn Thanh V, chị Trần Thị N đã thực hiện trả lãi trong hạn đến ngày 31/3/2015 là 376.014.998 đồng. Từ ngày 01/4/2015 đến ngày 16/6/2015 anh Nguyễn Thanh V, chị Trần Thị N không trả lãi vay trong hạn, từ ngày 17/6/2015 đến ngày 19/10/2016 không trả nợ gốc và lãi vay quá hạn như cam kết trong hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh V, chị N phải thanh toán nợ gốc và lãi, đồng thời hai bên đã nhiều lần bàn bạc tìm hướng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nhưng không thỏa thuận được phương án xử lý. Nay Ngân hàng N Chi nhánh T xác nhận tính đến ngày 19/10/2016 anh Nguyễn Thanh V, chị Trần Thị N còn nợ Ngân hàng N Chi nhánh T số tiền gốc

là 2.500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 61.471.667 đồng; tiền lãi quá hạn là 564.743.333 đồng và yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh V, chị N phải trả toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 19/10/2016 là 3.126.215.000 đồng. Trường hợp anh V, chị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc và lãi phát sinh thì ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án kê biên tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 10 cùng với nhà xây 2 tầng và công trình phụ gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 56 tại thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh để thu hồi nợ.

** Tại các biên bản ghi lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Thanh V thống nhất trình bày:*

Anh Nguyễn Thanh V, chị Trần Thị N nhất trí với ý kiến của ông Nguyễn Anh T là người đại diện cho Ngân hàng N Chi nhánh T trình bày về thời gian, nội dung và quá trình ký kết Hợp đồng tín dụng và phụ lục kèm theo ngày 16/12/2013, phụ lục hợp đồng hợp đồng ngày 16/12/2014 cũng như Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 16/12/2013 đối với nhà xây 2 tầng và công trình phụ gắn liền với quyền sử dụng tại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 65 thuộc thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, còn Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 19/11/2013 đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 10 thuộc thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh không dùng để thế chấp đối với khoản vay trong hợp đồng tín dụng ngày 16/12/2013.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên thì Ngân hàng N Chi nhánh T đã giải ngân cho anh V, chị N số tiền 2.500.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng anh chị đã thực hiện trả lãi từ ngày 16/12/2014 đến ngày 31/3/2015 là 376.014.998 đồng. Từ ngày 01/4/2015 do công việc buôn bán bị thua lỗ anh chị gặp rất nhiều khó khăn nên không có khả năng trả nợ gốc và lãi vay đúng như cam kết trong hợp đồng tín dụng. Gia đình anh chị đã xin thỏa thuận với ngân hàng cho bán một phần đất ở và đất vườn trong thửa đất cầm cố vì đã có người mua để trả một phần nợ nhưng ngân hàng không đồng ý, gia đình tự nguyện di chuyển tài sản ra khỏi nhà để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp nhưng ngân hàng cứ kéo dài thời gian. Ngày 08/10/2015 Ngân hàng N Chi nhánh T và anh chị lập biên bản thống nhất làm thủ tục bán đấu giá tài sản với giá trị khởi điểm như hợp đồng quy định là 3.600.000.000 đồng nhưng khi đưa ra bán đấu giá không thành; ngân hàng và anh chị tiếp tục thương lượng để giải quyết, ông T yêu cầu giảm giá trị tài sản thế chấp 10% nhưng anh chị không nhất trí mà yêu cầu giải quyết theo hợp đồng đã ký kết nên không thỏa thuận được.

Nay anh V, chị N (do chị N đại diện) xác nhận tính đến ngày 19/10/2016 anh chị còn nợ Ngân hàng N Chi nhánh T số tiền gốc là 2.500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là: 61.471.667 đồng và chấp nhận trả số tiền nợ trên cho ngân hàng. Đối với khoản tiền lãi quá hạn là 564.743.333 đồng anh chị không chấp nhận vì sau khi hết hạn hợp đồng do không trả được nợ nên anh chị đã báo cáo với ngân hàng để thống nhất giải quyết nhưng ngân hàng cố tình kéo dài thời gian để tính thêm tiền lãi. Nay anh chị đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Quan điểm của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện cho nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, tham gia đầy đủ các buổi làm việc theo triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng NT&PTNT Chi nhánh T buộc anh Nguyễn Thanh V và chị Trần Thị N trả cho ngân hàng số tiền là 3.126.215.000 đồng, trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, lãi trong hạn là: 61.471.667 đồng; lãi quá hạn là 564.743.333 đồng.

Trường hợp anh V và chị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc và lãi phát sinh thì ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án kê biên tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 157 thuộc tờ bản đồ số 10 và nhà xây 2 tầng gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 56 tại thôn C, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh để thu hồi khoản nợ trên.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc:*

Hợp đồng tín dụng ngày 16/12/2013 được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Luật tổ chức tín dụng và phù hợp với các quy định về việc cho vay tài sản của Bộ luật dân sự. Do đó xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Ngày 16/12/2013 Ngân hàng N Chi nhánh T đã giải ngân cho anh V, chị N vay số tiền 2.500.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng anh V, chị N mới thanh toán được số tiền lãi trong hạn vay từ ngày 16/12/2013 đến ngày 31/3/2015 là 376.014.998 đồng. Kể từ ngày 01/4/2015 anh V, chị N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 3, Điều 4 của Hợp đồng tín dụng kèm theo phụ lục ngày 16/12/2013 và Điều 1 Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 16/12/2014 đã được hai bên ký kết, theo đó thời hạn trả nợ gốc là 18 tháng kể từ ngày 16/12/2013 đến ngày 16/6/2015; phương thức trả nợ gốc một lần (1 kỳ). Nay Ngân hàng N Chi nhánh T đề nghị Toà án buộc anh V, chị N phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc 2.500.000.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

** Đối với yêu cầu trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn:*

- Lãi suất trong hạn: Tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng ngày 16/12/2013 quy định lãi suất tiền vay là 0,958%/tháng và được điều chỉnh 3 tháng một lần hoặc được điều chỉnh ngay khi lãi suất cho vay trên thị trường biến động đột xuất phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng N Việt Nam . Tuy nhiên, tại phụ lục kèm theo hợp đồng ngày 16/12/2013 lại ghi lãi suất tiền vay là 11,496%/năm. Thực tế mức lãi suất năm nêu trên tính ra lãi suất theo tháng đúng bằng 0,958% như quy định trong hợp đồng. Việc trả nợ gốc thực hiện một lần nên tính lãi theo năm như phụ lục nêu là phù hợp không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của hai bên. Tính đến ngày

19/10/2016 đối với số lãi trong hạn của khoản vay tại Hợp đồng tín dụng ngày 16/12/2013 thì anh V, chị N đã thanh toán lãi cho ngân hàng là 376.014.998 đồng. Theo Ngân hàng N Chi nhánh T xác định số tiền lãi trong hạn của khoản vay trên tính từ ngày 01/4/2014 đến ngày 16/6/2015 mà anh V, chị N còn nợ Ngân hàng N Chi nhánh T là = 61.471.667 đồng. Việc tính lãi trong hạn của ngân hàng đúng với quy định tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng ngày 16/12/2013 và phụ lục kèm theo mà hai bên đã ký kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Lãi suất quá hạn: Anh V, chị N cho rằng sau khi hết hạn hợp đồng anh chị không trả được nợ nên đã thông báo cho ngân hàng để xử lý tài sản thế chấp để trả nợ, sau lần bán đầu giá tài sản lần thứ nhất không thành thì anh chị yêu cầu giảm giá bán tài sản 5% nhưng ngân hàng không thống nhất mà yêu cầu giảm 10% và cố tình kéo dài thời gian để tính lãi nên anh chị không chấp nhận thanh toán lãi quá hạn. Quan điểm của anh chị nêu ra là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

Theo quy định tại tiêu mục 3.2.13 mục 3.2 Điều 3 của hai hợp đồng thế chấp tài sản ngày 19/11/2013 và ngày 16/12/2013 quy định nghĩa vụ của anh V, chị N là *“phối hợp với bên A để xử lý tài sản thế chấp”* và tại tiêu mục 4.3.1 mục 4.3 Điều 4 cũng quy định *“trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày đến hạn trả nợ bên B phải chủ động phối hợp với bên A để bán tài sản thu hồi nợ. Quá thời hạn nêu trên bên A có quyền bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ mà không cần hỏi ý kiến của bên B”*; trong khi đó tại tiêu mục 3.3.6 mục 3.3 Điều 3 của hai hợp đồng nêu trên quy định quyền của bên A là *“xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng”*; tại tiêu mục 4.3.4 mục 4.3 Điều 4 của hai hợp đồng thế chấp quy định *“Bên B ủy quyền cho bên A bán tài sản thế chấp với giá khởi điểm do bên A xác định căn cứ vào biên bản định giá (hoặc định giá lại) tài sản thế chấp giữa bên A và bên B tại thời điểm gần nhất”* và tại tiêu mục 4.3.5 mục 4.3 Điều 4 quy định *“Bên A được quyết định giảm từ 5-10% giá bán tài sản so với giá bán lần trước liền kề, sau mỗi lần thực hiện bán tài sản thế chấp không thành”*.

Như vậy, theo thỏa thuận của hai bên thì việc xử lý bán đầu giá tài sản là nghĩa vụ của anh V, chị N và là quyền của ngân hàng. Thực tế, trong lần bán đầu giá lần đầu ngân hàng đã xác định giá khởi điểm là 3.600.000.000 đồng như biên bản xác định giá trị tài sản nhưng kết quả bán đầu giá không thành nên ngân hàng giảm giá trị tài sản 10% là đúng với thỏa thuận của hợp đồng và không trái quy định của pháp luật về bán đầu giá tài sản, trong khi đó anh V, chị N yêu cầu chỉ giảm 5% là không có cơ sở. Do đó, việc không bán được tài sản thế chấp không phải do ngân hàng vi phạm nghĩa vụ nên không có lỗi, anh V, chị N phải chịu trách nhiệm trả lãi quá hạn là đúng quy định pháp luật.

Tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng ngày 16/12/2013 quy định lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tương đương. Phương thức trả lãi 03 tháng một lần (hàng quý) vào ngày 31 bắt đầu từ ngày 31/3/2014.

Đối với số tiền lãi quá hạn, kể từ ngày 17/6/2015 Ngân hàng N Chi nhánh T đã chuyển toàn bộ khoản vay 2.500.000.000 đồng sang nợ quá hạn là đúng quy định tại Điều 2 của hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Do đó, yêu cầu về khoản nợ lãi quá

hạn mà Ngân hàng N Chi nhánh T yêu cầu anh V, chị N phải thanh toán với số tiền 564.743.333 đồng (trong đó từ ngày 17/6/2015 đến 31/7/2015 tính bằng 150% lãi suất trong hạn 11,5% với số tiền 53.887.500 đồng và từ ngày 01/8/2015 đến ngày 19/10/2016 tính bằng 150% của lãi suất trong hạn 11% với số tiền 510.855.833 đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Tổng cộng cả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn anh V, chị N phải thanh toán cho Ngân hàng N Chi nhánh T là 3.126.215.000 đồng. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thể hiện đây là khoản nợ chung của anh V, chị N nên anh chị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi trên cho Ngân hàng N Chi nhánh T.

** Đối với hợp đồng thế chấp tài sản:*

Để đảm bảo cho khoản vay 2.500.000.000 đồng, ngày 19/11/2013 và ngày 16/12/2013 Ngân hàng N Chi nhánh T và anh V, chị N đã ký kết 2 hợp đồng thế chấp tài sản tại UBND xã S, huyện H. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 157, tờ bản đồ số 10, diện tích 350m² (50m² đất ở, 300m² đất vườn theo GCNQSDĐ số BB660486 ngày 24/5/2010) và nhà xây 2 tầng và công trình phụ gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 56, diện tích 732,6m² (400m² đất ở, 332,6m² đất vườn theo GCNQSDĐ số M388772 ngày 28/7/1999, Quyết định số 3876/QĐ-UBND và Quyết định số 3877/QĐ-UBND ngày 12/12/2013). Các tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (Phòng Tài nguyên và Môi trường) huyện H vào ngày 22/11/2013 và ngày 16/12/2013. Hai hợp đồng thế chấp nêu trên được ghi nhận tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng ngày 16/12/2013 (*Hình thức bảo đảm tiền vay: có bảo đảm bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp ký ngày 19/11/2013 và ngày 16/12/2013*) nhằm thế chấp cho khoản vay 2.500.000.000 đồng, tại thời điểm thế chấp tài sản anh chị không có khoản vay nào khác được bảo đảm bằng tài sản nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đều xác nhận việc ký kết hai hợp đồng thế chấp nêu trên là hoàn toàn tự nguyện. Anh V, chị N đều khẳng định hai thửa đất thế chấp theo hợp đồng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh chị, đồng thời qua điều tra xác minh thu thập tài liệu đối với tài sản thế chấp có đủ cơ sở xác định hai thửa đất và nhà xây cùng công trình phụ nêu trên được Nhà nước cấp quyền sử dụng hợp pháp cho anh V, chị N. Như vậy, hợp đồng thế chấp tài sản ký kết ngày 19/11/2013 và ngày 16/12/2013 được ký kết theo đúng quy định của pháp luật dân sự nên có hiệu lực thi hành đối với các bên liên quan. Ngân hàng N Chi nhánh T được tiếp tục quản lý hồ sơ tài sản thế chấp để đảm bảo việc thi hành án.

** Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng N Chi nhánh T được chấp nhận nên ngân hàng không phải chịu án phí và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43 triệu đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005202 ngày 25/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hương Sơn.

Khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án là 94.524.000 đồng tương ứng với số tiền nợ 3.126.215.000 đồng, anh V và chị N là người phải chịu trách nhiệm nộp

số tiền trên. Tuy nhiên, theo xác nhận của UBND xã S, huyện H, xét hoàn cảnh hiện tại cũng như về lâu dài anh chị gặp rất nhiều khó khăn, đang phải chịu nghĩa vụ trả khoản nợ lớn trong khi không có nghề nghiệp, thu nhập không đáng kể, toàn bộ tài sản gia đình phải thế chấp để đảm bảo trả nợ nên cần căn cứ Khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án để giảm cho anh chị một phần nghĩa vụ án phí bằng 35% tương đương số tiền 33.083.000 đồng, số tiền phải nộp là 61.441.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 317, Điều 319 Luật thương mại; Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 342, 343, 355, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm b khoản 1 Điều 3, Điều 5, khoản 1 Điều 14, khoản 4 Điều 18, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh T đối với anh Nguyễn Thanh V và chị Trần Thị N.

2. Buộc anh Nguyễn Thanh V và chị Trần Thị N phải trả số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng ngày 16/12/2013 và phụ lục kèm theo cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh T tổng số tiền là 3.126.215.000 đồng (ba tỷ một trăm hai sáu triệu hai trăm mười lăm ngàn đồng), trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 61.471.667 đồng (sáu một triệu bốn trăm bảy một ngàn sáu trăm sáu bảy đồng), nợ lãi quá hạn là 564.743.333 đồng (năm trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm bốn ba ngàn ba trăm ba ba đồng).

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả xong nợ gốc.

3. Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 19/11/2013 và Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 16/12/2013 giữa Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh T và anh Nguyễn Thanh V, chị Trần Thị N là hợp đồng hợp pháp, tiếp tục có hiệu lực. Trường hợp anh V, chị N không thanh toán cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh T số tiền 3.126.215.000 đồng thì Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh T được quyền đề nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện Hương Sơn tiến hành kê biên các tài sản đảm bảo gồm quyền sử dụng đất tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 10, diện tích 350m² và nhà xây 2 tầng cùng công trình phụ gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 56, diện tích 732,6m² để thanh toán khoản nợ trên.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; yêu cầu người phải thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh V và chị Trần Thị N phải nộp số tiền 61.441.000 đồng (sáu một triệu bốn trăm bốn một ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N Chi nhánh T số tiền tạm ứng án phí là 43.000.000 đồng (bốn ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005202 ngày 25/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hương Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh T, chị Trần Thị N và anh Nguyễn Thanh V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND Hương Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Hương Sơn;
- Lưu hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Nguyễn Huy Trọng